

Bản án số: 14/2020/DS-ST.

Ngày 24/7/2020.

V/v: *Kiến tranh chấp*

"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

**N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Đăng Thanh.
2/ Ông Vũ Ngọc Côn.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Văn Vĩ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST- DS, ngày 11 tháng 06 năm 2020 về việc kiện tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐ-TA, ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các bên:

1/*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952.

Trú quán: VT, VX, LN, BG (Có mặt).

2/ *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976 (Có mặt).

Trú tại: GC, QS, LNg, BG.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Hồng Q, sinh năm 1945(Vắng mặt).

Người được ủy quyền của ông Phạm Hồng Q: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952 (Có mặt).

Đều trú tại: VT, VX, LN, BG (Có mặt).

2/ Anh Đào Văn H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Trú tại: GC, QS, LNg, BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và chị Nguyễn Thị Th có quan hệ họ hàng, gì cháu. Vào ngày 09/02/2018 chị Th có hỏi bà vay số tiền 40.000.000 đồng, vì là gì cháu bà nhất chí cho chị Th vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay nợ đề ngày

09/2/2018 (âm lịch), với nội dung chị Th nợ bà số tiền gốc 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/01 tháng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày vay, chị Th đã ký vào giấy vay nợ, việc chị Th ký vào giấy vay nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có chị Nguyễn Thị Quyên là người làm chứng, khi đến thời hạn trả nợ chị Th không trả nợ, bà đã đòi nhiều lần nhưng chị Th khất nợ hết lần này sang lần khác. Thấy quyền lợi bị xâm hại bà đã viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Th trả lại bà số tiền là 40.000.000 đ (bốn mươi triệu đồng chẵn), không tính lãi phát sinh, việc bà cho vay nợ là tiền riêng, không liên quan đến chồng và các con bà.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2020 những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và bà Nguyễn Thị Đ có quan hệ họ hàng, gì cháu, vào ngày 09/02/2018 (âm lịch) chị Quyên là con gái bà Đ, là chị em họ với chị gọi chị xuống nhà chị Quyên chơi, khi ngồi nói chuyện chị Quyên bảo chị có nhu cầu vay tiền thì hỏi hộ, sau đó chị Quyên bảo mẹ đẻ là bà Đ chơi ở đó cho chị vay số tiền 40.000.000 đồng, chị nhất trí vay, sau đó chị Quyên bảo mẹ là bà Đ viết giấy vay nợ số tiền 40.000.000 đồng và bảo chị ký tên, do chị không biết chữ, bà Đ dạy ký một lúc thì chị biết ký và ký vào giấy vay tiền do bà Đ viết, sau khi ký xong chị không được nhận tiền từ bà Đ, chị có yêu cầu bà Đ đưa lại giấy vay nợ bà Đ viết mà chị đã ký nhưng bà Đ không đưa giấy vay tiền, chị bỏ ra về. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 40.000.000 đồng, chị không nhất trí, việc chị ký kết vào giấy vay tiền không liên quan đến chồng và các con chị.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2020 ông Phạm Hồng Q trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông xác định khoản tiền 40.000.000 đồng bà Đ cho chị Th vay là khoản tiền riêng của bà, không liên quan đến ông, đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ông không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án được, nên ông ủy quyền toàn bộ cho vợ ông bà Nguyễn Thị Đ tham gia giải quyết từ đầu cho đến khi giải quyết xong, mọi ý kiến trình bày của bà Đ tại Tòa án ông đều nhất trí.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên anh Đào Văn H trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị Th, việc vay nợ giữa bà Đ, chị Th và chị Quyên thế nào thì anh không được biết, không nhận tiền, không tiêu tiền. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời ngày 7/7/2020 cũng như tại phiên tòa người làm chứng chị Phạm Thị Quyên trình bày: Chị là con đẻ bà Nguyễn Thị Đ, là em họ của chị Th, vào ngày 09/02/2020 (âm lịch) tại gia đình chị, mẹ chị bà Nguyễn Thị Đ có cho chị Th vay số tiền 40.000.000 đồng, hai bên viết giấy biên nhận nợ, chị Th tự nguyện ký vào giấy vay tiền, chị nhìn thấy chị Th nhận tiền và đếm tiền, chị Th và mẹ chị có bảo chị ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Nay mẹ chị khởi kiện đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà đã phát biểu ý kiến Sau: Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự tại phiên toà đều chấp hành đúng theo trình tự tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Áp dụng: Điều 357; Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn), không tính lãi phát sinh.

Án phí: Áp dụng Điều 6 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 09/02/2018 (âm lịch) chị Nguyễn Thị Th đã ký giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị Đ viết, trong giấy vay tiền thể hiện chị Th vay số tiền gốc 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn). Khi ký kết hợp đồng cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo qui định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Xác định đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/02/2018 (âm lịch) chị Nguyễn Thị Th ký giấy vay bà Đ số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay 03 tháng. Ngày 09/6/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn), nên thời hiệu yêu cầu khởi kiện vẫn còn được qui định tại Điều 154, 429 Bộ luật dân sự năm 2015, xem xét về nội dung.

[4] Nội dung vụ án thì thấy: Bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Th có quan hệ họ hàng, gi cháu, ngày 09/02/2018 (âm lịch) tại gia đình chị Quyên, bà Đ nhất trí cho chị Th vay số tiền 40.000.000 đồng, bà Đ đã viết giấy vay nợ ghi ngày 09/02/2018 (âm lịch), số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng, lãi suất 1%/01 tháng, có chị Phạm Thị Quyên ký vào giấy vay tiền với tư cách là

người làm chứng. Chị Th thừa nhận có được ký nhận vào giấy vay tiền nhưng do chị không biết chữ, bà Đ dạy chị ký, sau đó chị Ký vào giấy vay tiền nhưng không được nhận tiền, chị có yêu cầu bà Đ xé giấy vay nợ nhưng bà Đ không xé. Ngày 09/6/2020 bà Đ đã đưa đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa này bà Đ không yêu cầu lãi suất, chỉ yêu cầu trả số nợ gốc 40.000.000 đồng, các bên đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau.

Xét thấy việc bị đơn chị Th là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, có đủ khả năng nhận thức những việc mình làm nên có đầy đủ cơ sở khẳng định việc chị Th ký vào giấy vay tiền do bà Đ viết là tự nguyện, không bị ép buộc, mặt khác chị Phạm Thị Quyên là người làm chứng cũng khẳng định chị Th ký vào giấy vay tiền là tự nguyện, không bị ép buộc, có được nhận tiền và đếm tiền. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ buộc phía bị đơn chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với lãi suất phát sinh bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Điều 357; Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1.1. Chấn nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1.2. Buộc chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiếu

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà